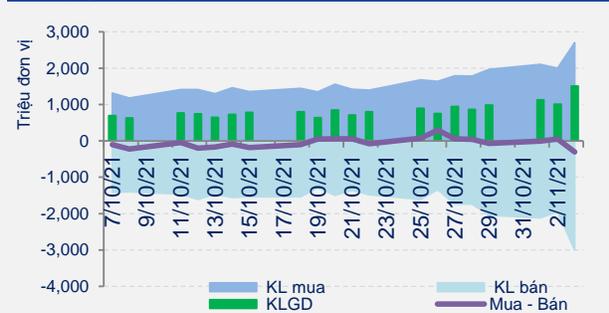
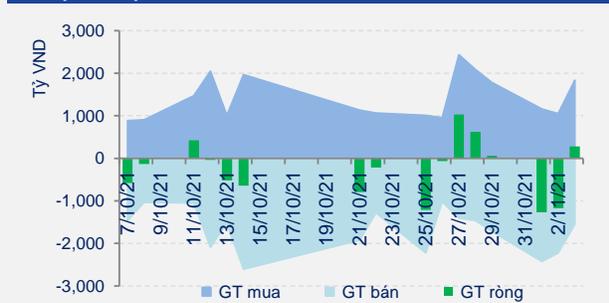


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 3/11/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,444.30	415.71
% Thay đổi	↓ -0.56%	↓ -1.98%
KLGD (CP)	1,505,393,101	222,886,579
GTGD (tỷ đồng)	43,238.43	5,343.11
Tổng cung (CP)	3,002,301,000	297,246,300
Tổng cầu (CP)	2,698,575,800	249,705,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	43,613,700	1,141,957
KL mua (CP)	45,477,900	932,959
GT mua (tỷ đồng)	1,832.30	16.86
GT bán (tỷ đồng)	1,551.92	30.10
GT ròng (tỷ đồng)	280.38	(13.24)

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.88%	24.2	3.8	1.4%
Công nghiệp	↓ -2.74%	22.6	3.1	11.9%
Dầu khí	↓ -2.33%	20.0	2.1	1.8%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -2.05%	-	6.3	2.2%
Dược phẩm và Y tế	↓ -1.63%	18.1	2.6	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.25%	22.6	4.1	7.9%
Ngân hàng	↑ 2.60%	11.4	2.3	20.5%
Nguyên vật liệu	↓ -2.84%	12.3	2.9	15.9%
Tài chính	↓ -2.28%	19.8	3.4	36.1%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -1.24%	17.1	3.2	1.7%
VN - Index	↓ -0.56%	17.1	2.9	
HNX - Index	↓ -1.98%	23.7	4.8	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường điều chỉnh trở lại trong phiên hôm nay với thanh khoản lập kỷ lục mới. Cụ thể, VN-Index giảm 8,16 điểm (-0,56%) xuống 1.444,3 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tiêu cực với 152 mã tăng, 29 mã tham chiếu, 392 mã giảm. HNX-Index giảm 8,4 điểm (-1,98%) xuống 415,71 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tiêu cực với 83 mã tăng, 35 mã tham chiếu, 200 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn lập kỷ lục mới với khối lượng khớp lệnh 1.673 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 46.367 tỷ đồng. Thị trường tăng điểm trong phiên giao dịch sáng giúp chỉ số VN-Index vượt đến ngưỡng cao mới 1.460 điểm nhưng áp lực chốt lời gia tăng từ khoảng 11h trở đi khiến chỉ số này đảo chiều xuống dưới ngưỡng tham chiếu và kết phiên trong sắc đỏ. Các cổ phiếu bất động sản, xây dựng sau giai đoạn tăng nóng trước đó đồng loạt chịu áp lực chốt lời và giảm sàn trong phiên hôm nay, có thể kể đến như DIG (-6,9%), KBC (-7%), NLG (-6,9%), SCR (-6,7%), LDG (-6,7%), ITA (-6,9%), HQC (-6,9%), HDC (-7%), HDG (-7%), NTL (-7%), IDJ (-9,9%), NBB (-6,9%), DRH (-6,9%), ITC (-7%)... Ở chiều ngược lại, nhóm ngân hàng thu hút dòng tiền và đồng loạt tăng mạnh, có thể kể đến như TCB (+4,1%), STB (+4,7%), MBB (+2,6%), CTG (+1,9%), VPB (+2,3%), MSB (+6,2%), SHB (+0,2%), OCB (+6,9%), LPB (+6,8%), ACB (+2,1%)... đã giúp cho thị trường chung không giảm mạnh. Nhóm ngân hàng cũng là tác nhân chính giúp cho chỉ số VN30 (+0,61%) vẫn giữ được sắc xanh trong phiên hôm nay.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường điều chỉnh trở lại với mức giảm không thực sự mạnh (-0,56%) nhưng với thanh khoản gia tăng và lập kỷ lục mới với hơn 46.000 tỷ đồng khớp lệnh trên cả hai sàn. Điều này cho thấy một lượng chốt lời khá mạnh tại vùng giá cao hiện tại nhưng với mức giảm không mạnh thì có thể thấy là dòng tiền vẫn đang nằm trong thị trường, chỉ là sự xoay vòng của dòng tiền giữa các nhóm ngành khác nhau. Trên góc nhìn kỹ thuật, tuy giảm điểm nhưng VN-Index vẫn giữ được vùng hỗ trợ 1.420-1.425 điểm nên khả năng để hồi phục trong phiên tới là có thể xảy ra. Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán tiếp tục gia tăng thì thị trường có thể lùi về vùng hỗ trợ 1.420-1.425 điểm để tìm kiếm lực cầu. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 4/12, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại với ngưỡng kháng cự tâm lý 1.450 điểm. Nhà đầu tư đã mua vào khi thị trường vượt vùng đỉnh cũ 1.420-1.425 điểm có thể tiếp tục mua thêm nếu thị trường có nhịp điều chỉnh về vùng hỗ trợ kể trên.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

3/11/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong phiên giao dịch sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 1.463,63 điểm. Nhưng từ khoảng 11h trở đi, lực bán gia tăng khiến chỉ số đảo chiều xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.440,67 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 8,16 điểm (-0,56%) xuống 1.444,3 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: GVR giảm 2.800 đồng, VHM giảm 2.100 đồng, NVL giảm 2.900 đồng. Ở chiều ngược lại, TCB tăng 2.100 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong phiên giao dịch sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 430,31 điểm. Nhưng từ khoảng 11h trở đi, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số đảo chiều xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 415,7 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 8,4 điểm (-1,98%) xuống 415,71 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: IDJ giảm 6.700 đồng, L14 giảm 24.000 đồng, IDC giảm 5.600 đồng. Ở chiều ngược lại, NVB tăng 1.600 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 282,48 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 1,1 triệu cổ phiếu. HPG là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 266,2 tỷ đồng tương ứng với 4,8 triệu cổ phiếu, tiếp theo là GEX với 85,3 tỷ đồng tương ứng với 2,9 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, HSG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 83,9 tỷ đồng tương ứng với 1,9 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 13,35 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 209 nghìn cổ phiếu. VCS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 9,9 tỷ đồng tương ứng với 81,5 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là DL1 với 3,3 tỷ đồng tương ứng với 252 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, CEO là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 4,7 tỷ đồng tương ứng với 359 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Kinh tế dần phục hồi, nhập siêu chỉ còn 1,4 tỷ USD

Sau nhiều năm xuất siêu, ảnh hưởng của dịch COVID-19 đã làm nền kinh tế Việt Nam bắt đầu nhập siêu từ nửa cuối năm nay. Diễn hình như tháng 8, tổng nhập siêu lên tới 3,7 tỷ USD, sau đó giảm dần. Đến hết tháng 10, lũy kế nhập siêu chỉ còn 1,4 tỷ USD.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index điều chỉnh trong phiên hôm nay với thanh khoản khớp lệnh gia tăng và lập kỷ lục mới với gần 1,5 tỷ cổ phiếu. Điều này cho thấy áp lực bán ra trong phiên hôm nay là thực sự mạnh nhưng lực cầu tại một số nhóm trụ cột vẫn là khá tốt đã giúp thị trường chỉ giảm nhẹ (-0,56%).

Với việc chỉ số VN-Index đã chính thức vượt qua được vùng đỉnh cũ trong khoảng 1.420-1.425 điểm (đỉnh tháng 7/2021) đồng thời cũng là đỉnh sóng tăng 5 theo lý thuyết Elliot trên biểu đồ ngày bắt đầu từ thời điểm tạo đáy quanh 650 điểm vào cuối tháng 3 đầu tháng 4 năm 2020.

Vì lý do đã nêu trên nên việc nhận định xu hướng thị trường theo sóng Elliot trên biểu đồ ngày hiện không còn hợp lý nên chúng ta sẽ phân tích sóng Elliot trên biểu đồ tuần với sóng 1 bắt đầu vào đầu năm 2009 ở quanh ngưỡng 240 điểm.

Với góc nhìn xa hơn trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết là quanh ngưỡng 1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4 trước đó).

Với việc điều chỉnh trong phiên hôm nay nhưng với mức giảm là không quá mạnh (-0,56%) và chỉ số VN-Index vẫn giữ được trên vùng hỗ trợ trong khoảng 1.420-1.425 điểm thì khả năng để chỉ số này hồi phục trong phiên tiếp theo là có thể xảy ra.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán tiếp tục gia tăng thì có khả năng VN-Index sẽ cần lùi về vùng hỗ trợ 1.420-1.425 điểm để tìm kiếm lực cầu.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 4/12, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại với ngưỡng kháng cự tâm lý 1.450 điểm.



TIN TRONG NƯỚC

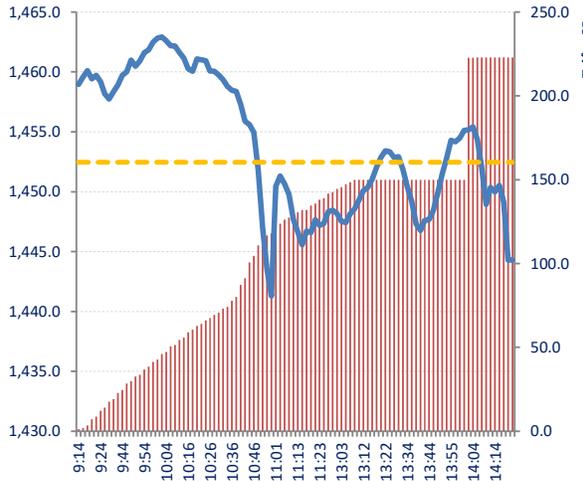
Giá vàng trong nước tăng	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 57,85 - 58,45 triệu đồng/lượng, tăng 150.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 50.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm giảm 10 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 3/11 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.140 VND/USD, giảm 10 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

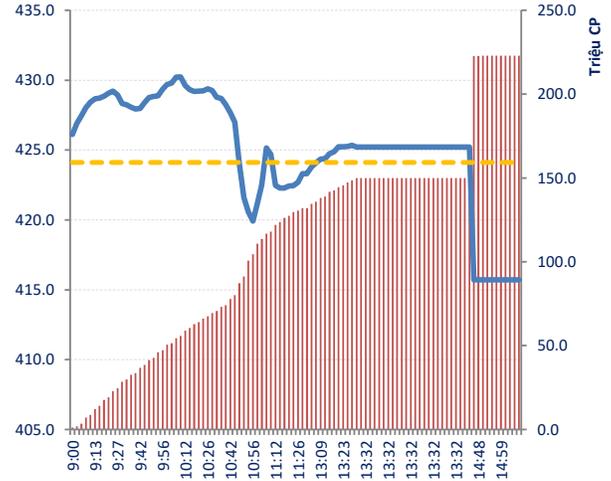
Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 6,95 USD/ounce tương ứng với 0,39% xuống 1.782,45 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,072 điểm tương ứng 0,08% xuống 94,007 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1592 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3627 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 113,84 JPY.
Giá dầu thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 1,46 USD/thùng tương ứng với 1,75% xuống 82,47 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 2/11, Dow Jones tăng 138,79 điểm tương đương 0,39% lên 36.052,63 điểm. Nasdaq tăng 53,69 điểm tương đương 0,34% lên 15.649,6 điểm. Nasdaq Composite tăng 16,98 điểm tương đương 0,37% lên 4.630,65 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

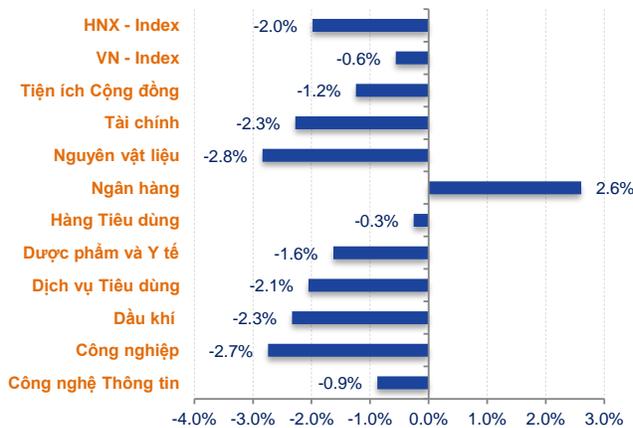
KLGD và VN-Index trong phiên



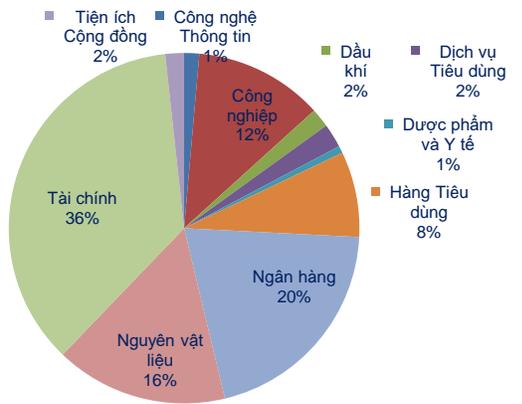
KLGD và HNX-Index trong phiên



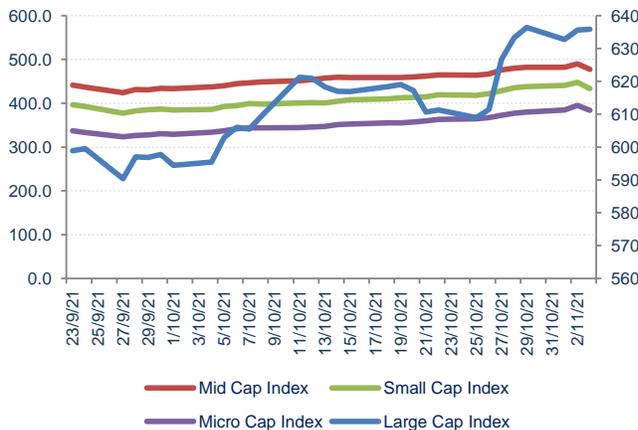
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



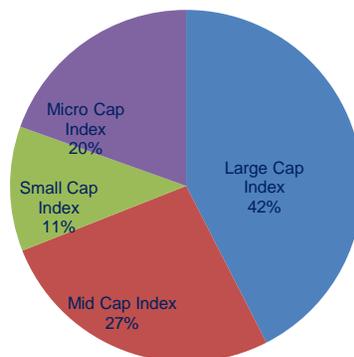
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	4,765,800	HSG	1,851,600
2	GEX	2,904,900	HQC	1,688,600
3	SBT	1,027,000	HVN	1,318,000
4	KBC	954,600	OCB	1,107,400
5	VHM	773,100	TPB	908,200

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CEO	359,100	DL1	252,100
2	MCF	60,000	VIG	95,400
3	NBC	53,200	VCS	81,500
4	BTS	37,800	BCC	64,900
5	PVG	26,000	ART	56,100

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HQC	5.80	5.40	↓ -6.90%	42,847,700
STB	26.65	27.90	↑ 4.69%	41,163,100
TCB	51.60	53.70	↑ 4.07%	40,718,000
ITA	9.12	8.49	↓ -6.91%	32,804,257
FLC	12.70	12.20	↓ -3.94%	30,530,200

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
CEO	13.00	12.00	↓ -7.69%	15,848,411
PVS	30.30	29.20	↓ -3.63%	9,686,619
SHS	41.50	41.00	↓ -1.20%	9,031,825
KLF	5.20	5.10	↓ -1.92%	8,773,860
NDN	24.30	22.30	↓ -8.23%	8,303,571

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ACC	22.95	24.55	1.60	↑ 6.97%
LSS	15.20	16.25	1.05	↑ 6.91%
OCB	26.95	28.80	1.85	↑ 6.86%
HU3	9.92	10.60	0.68	↑ 6.85%
CMV	14.65	15.65	1.00	↑ 6.83%

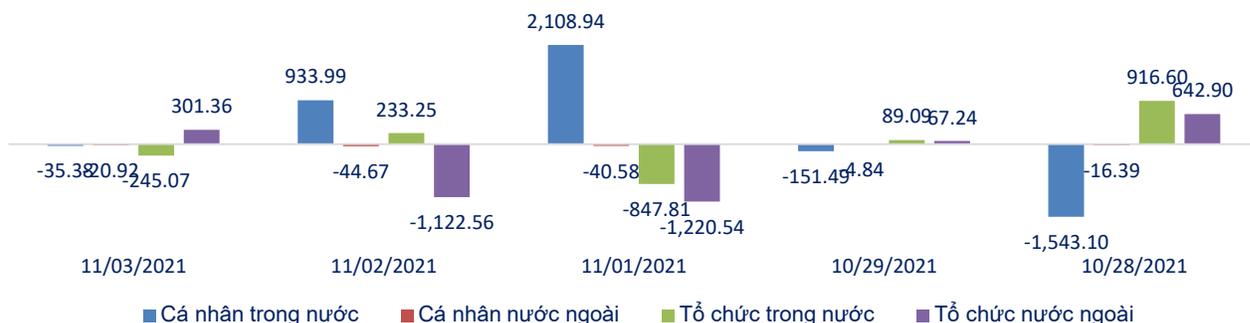
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CMS	7.00	7.70	0.70	↑ 10.00%
DC2	17.00	18.70	1.70	↑ 10.00%
CAG	24.30	26.70	2.40	↑ 9.88%
SIC	17.60	19.30	1.70	↑ 9.66%
HCT	14.50	15.90	1.40	↑ 9.66%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NTL	45.00	41.85	-3.15	↓ -7.00%
LCG	19.30	17.95	-1.35	↓ -6.99%
ITC	25.00	23.25	-1.75	↓ -7.00%
TTB	10.45	9.72	-0.73	↓ -6.99%
TDH	13.60	12.65	-0.95	↓ -6.99%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VIF	22.00	19.80	-2.20	↓ -10.00%
HLD	54.00	48.60	-5.40	↓ -10.00%
L14	240.70	216.70	-24.00	↓ -9.97%
L18	69.30	62.40	-6.90	↓ -9.96%
DTD	52.40	47.20	-5.20	↓ -9.92%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TVB	109.40	27.6%	2,803	9.0	2.1
VNM	102.04	31.0%	5,037	17.7	5.5
VPB	85.03	21.2%	2,772	13.5	2.7
HSG	76.57	48.0%	8,817	5.2	2.1
PAN	72.55	3.4%	1,009	32.9	1.1

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-226.64	44.7%	7,085	7.8	2.9
VGC	-115.44	12.5%	2,010	20.8	2.5
VHM	-95.54	38.3%	8,968	9.5	3.1
KBC	-89.14	6.0%	1,566	32.9	1.9
GEX	-81.75	10.6%	1,804	16.4	1.0

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	4.19	31.0%	5,037	17.7	5.5
TV2	3.14	26.1%	7,060	9.2	2.2
HBC	3.07	2.2%	370	56.8	1.2
GAS	2.44	16.9%	4,384	27.7	4.6
HT1	2.18	8.5%	1,233	19.7	1.7

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCH	-6.67	9.3%	1,897	10.0	0.8
HPG	-6.58	44.7%	7,085	7.8	2.9
VOS	-6.47	54.5%	2,573	9.7	3.8
HQC	-6.44	0.1%	9	656.2	0.6
STB	-3.72	11.1%	1,864	14.3	1.5

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VGC	113.14	12.5%	2,010	20.8	2.5
GAB	62.79	1.1%	130	1,507.7	16.6
KBC	44.55	6.0%	1,566	32.9	1.9
HDG	39.12	17.6%	4,942	13.6	2.3
PNJ	36.00	18.0%	4,420	23.8	4.3

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TVB	-110.20	27.6%	2,803	9.0	2.1
VPB	-84.95	21.2%	2,772	13.5	2.7
PAN	-72.12	3.4%	1,009	32.9	1.1
TSC	-69.86	5.9%	770	17.7	1.0
TCB	-66.76	21.3%	4,965	10.4	2.0

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	272.95	44.7%	7,085	7.8	2.9
GEX	84.77	10.6%	1,804	16.4	1.0
VHM	63.93	38.3%	8,968	9.5	3.1
NVL	50.27	7.9%	2,083	51.9	3.9
KBC	44.44	6.0%	1,566	32.9	1.9

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HSG	-82.76	48.0%	8,817	5.2	2.1
VNM	-45.52	31.0%	5,037	17.7	5.5
MSN	-42.65	8.4%	2,032	71.6	5.3
TPB	-39.61	23.1%	4,366	10.0	2.1
OCB	-31.37	23.9%	3,333	8.1	1.4



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HQC	42,847,700	0.1%	9	656.2	0.6
STB	41,163,100	3250.0%	1,864	14.3	1.5
TCB	40,718,000	21.3%	4,965	10.4	2.0
ITA	32,804,257	1.6%	187	48.9	0.8
FLC	30,530,200	13.1%	1,967	6.5	0.9

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	15,848,411	-4.7%	(606)	-	1.0
PVS	9,686,619	4.6%	1,238	24.5	1.1
SHS	9,031,825	25.5%	3,166	13.1	2.0
KLF	8,773,860	0.1%	6	855.7	0.5
NDN	8,303,571	28.9%	3,986	6.1	1.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ACC	↑ 7.0%	14.7%	2,809	8.2	1.5
LSS	↑ 6.9%	1.5%	350	43.4	0.7
OCB	↑ 6.9%	23.9%	3,333	8.1	1.4
HU3	↑ 6.9%	0.8%	118	83.8	0.7
CMV	↑ 6.8%	12.0%	1,936	7.6	1.0

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CMS	↑ 10.0%	-4.6%	(618)	-	0.7
DC2	↑ 10.0%	35.9%	4,250	4.0	1.1
CAG	↑ 9.9%	2.2%	230	105.5	2.3
SIC	↑ 9.7%	3.9%	519	33.9	1.3
HCT	↑ 9.7%	0.6%	111	130.4	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	4,765,800	44.7%	7,085	7.8	2.9
GEX	2,904,900	10.6%	1,804	16.4	1.0
SBT	1,027,000	8.5%	1,101	20.8	1.8
KBC	954,600	6.0%	1,566	32.9	1.9
VHM	773,100	38.3%	8,968	9.5	3.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	359,100	-4.7%	(606)	-	1.0
MCF	60,000	8.6%	953	12.2	1.1
NBC	53,200	14.2%	1,786	12.5	1.8
BTS	37,800	-0.4%	(42)	-	1.2
PVG	26,000	4.3%	578	27.5	1.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	370,121	38.3%	8,968	9.5	3.1
VIC	364,540	2.9%	1,111	86.3	2.2
VCB	363,099	20.4%	5,696	17.2	3.3
HPG	248,247	44.7%	7,085	7.8	2.9
GAS	232,736	16.9%	4,384	27.7	4.6

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	82,425	25.2%	4,694	50.2	14.3
IDC	23,550	11.3%	1,684	46.6	5.0
KSF	21,660	8.8%	777	92.9	3.6
VCS	19,840	41.5%	11,163	11.1	4.2
BAB	16,720	8.6%	979	22.7	1.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
ABS	2.83	6.5%	759	28.4	1.9
FTS	2.80	22.7%	3,585	19.0	3.9
CTS	2.62	19.5%	2,677	11.8	2.1
AGR	2.53	10.2%	1,004	19.0	1.9
VND	2.39	34.3%	5,125	11.8	2.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PSI	3.14	2.9%	300	54.3	1.5
APS	3.12	22.8%	1,860	22.6	3.7
PVL	2.36	9.9%	475	24.9	2.3
BTS	2.28	-0.4%	(42)	-	1.2
BVS	2.28	12.1%	3,244	11.6	1.3



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
